

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
9 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2019	2 - 6
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	7- 11
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 37

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		6,233,935,950,518	5,070,461,764,540
I Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	84,458,435,144	124,625,653,602
1. Tiền		111		84,358,435,144	124,550,653,602
2. Các khoản tương đương tiền		112		100,000,000	75,000,000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	V.2	3,084,384,989,877	2,761,963,711,798
1. Chứng khoán kinh doanh		121	V.2a	568,771,993,575	599,508,668,818
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		(149,044,015,751)	(76,375,920,784)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	V.2a	2,664,657,012,053	2,238,830,963,764
III Các khoản phải thu ngắn hạn		130		1,000,821,108,510	843,739,007,959
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	615,496,043,438	575,195,385,088
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		131.1		579,453,183,693	540,132,640,419
1.2 Phải thu khác của khách hàng		131.2		36,042,859,745	35,062,744,669
2. Trả trước cho người bán		132	V.4	113,039,133,636	134,568,153,375
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		13,140,000,000	-
5. Các khoản phải thu khác		136	V.5	309,195,579,882	194,807,723,717
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.6	(50,049,648,446)	(60,832,254,221)
IV Hàng tồn kho		140		9,265,817,010	9,591,183,779
1. Hàng tồn kho		141	V.7	9,324,711,785	9,650,078,554
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		(58,894,775)	(58,894,775)
V Tài sản ngắn hạn khác		150		364,374,898,292	250,638,628,078
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.8a	353,693,749,574	233,972,440,744
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		151.1		353,126,386,582	233,777,609,509
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác		151.2		567,362,992	194,831,235
2. Thuế GTGT được khấu trừ		152		9,090,387,812	5,121,944,585
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	V.9	1,590,760,906	11,544,242,749
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
VIII Tài sản tái bảo hiểm		190		1,690,630,701,685	1,079,903,579,324
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		191	V.18	1,299,241,600,921	732,477,619,828
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		192	V.18	391,389,100,764	347,425,959,496

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,106,530,738,920	1,038,909,339,873
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		92,626,278,001	18,793,237,023
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		92,626,278,001	18,793,237,023
6.1	Ký quỹ bảo hiểm	216.1		10,280,000,000	10,280,000,000
6.2	Phải thu dài hạn khác	216.2		82,346,278,001	8,513,237,023
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		107,758,994,683	96,075,940,013
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	100,404,271,439	87,503,404,901
	<i>Nguyên giá</i>	222		214,568,463,610	188,385,738,303
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(114,164,192,171)	(100,882,333,402)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	7,354,723,244	8,572,535,112
	<i>Nguyên giá</i>	228		17,057,592,486	16,641,592,486
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9,702,869,242)	(8,069,057,374)
III	Bất động sản đầu tư	230	V.12	142,178,135,085	114,494,403,529
	<i>Nguyên giá</i>	231		152,704,152,823	122,642,128,702
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(10,526,017,738)	(8,147,725,173)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		55,596,664,261	35,649,432,480
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	55,596,664,261	35,649,432,480
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		678,083,577,868	736,584,183,377
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	40,591,882,811	127,708,554,179
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	95,389,498,488	155,759,412,685
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(47,709,132,125)	(83,623,256,530)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	589,811,328,694	536,739,473,043
VI	Tài sản dài hạn khác	260		30,287,089,022	37,312,143,451
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	28,485,332,143	35,524,405,797
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	51,895,065
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
4.	Lợi thế thương mại	269		1,801,756,879	1,735,842,589
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		7,340,466,689,438	6,109,371,104,413

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		5,534,239,960,998	4,293,391,782,678
I	Nợ ngắn hạn	310		5,481,757,218,508	4,283,877,097,039
1.	Phải trả cho người bán	311	V.14	697,728,621,974	528,841,629,022
1.1	<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>311.1</i>		<i>663,792,728,550</i>	<i>495,355,369,813</i>
1.2	<i>Phải trả khác cho người bán</i>	<i>311.2</i>		<i>33,935,893,424</i>	<i>33,486,259,209</i>
2.	Người mua trả tiền trước	312	V.15	13,080,451,909	10,489,194,940
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	28,330,017,278	29,403,221,848
4.	Phải trả người lao động	314		113,947,184,458	7,168,174,330
5.	Chi phí phải trả	315		28,927,710	4,161,366,528
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318.1		67,992,660,347	102,451,079,528
7.	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	318.2		264,690,745,829	155,855,656,519
8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	121,659,218,545	109,721,954,499
9.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		169,398,330,404	126,064,008,530
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	70,000,000,000
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		175,336,139	51,968,001
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
13.	Dự phòng nghiệp vụ	329	V.18	4,004,725,723,915	3,139,668,843,294
13.1	<i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	<i>329.1</i>	<i>V.18a</i>	<i>2,984,011,714,299</i>	<i>2,144,592,205,609</i>
13.2	<i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	<i>319.2</i>	<i>V.18a</i>	<i>896,584,055,727</i>	<i>896,915,750,913</i>
13.3	<i>Dự phòng giao động lớn</i>	<i>319.3</i>	<i>V.18b</i>	<i>124,129,953,889</i>	<i>98,160,886,772</i>
II	Nợ dài hạn	330		52,482,742,490	9,514,685,639
1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
2.	Phải trả dài hạn khác	337	V.19	39,916,012,806	1,501,442,386
3.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		12,188,426,654	7,529,552,184
4.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		378,303,030	483,691,069

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1,806,226,728,440	1,815,979,321,735
	Vốn chủ sở hữu	410	V.20 1,806,226,728,440	1,815,979,321,735
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	803,957,090,000	803,957,090,000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	803,957,090,000	803,957,090,000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	827,943,052,804	827,943,052,804
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	22,827,850,857	22,644,374,262
9.	Quỹ dự trữ bắt buộc	419	49,884,763,553	49,884,763,553
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	96,352,749,202	110,585,835,597
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	44,320,444,396	94,531,680,457
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	52,032,304,806	16,054,155,140
12.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		
12.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5,261,222,024	964,205,519
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	7,340,466,689,438	6,109,371,104,413
			-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh		247,786,014,998	213,376,854,353
5 Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		94,181.00	10,715.45
Euro (EUR)		28,159.00	28,167.19
Bảng Anh (£)		329.68	334.63

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2019



Tổng Giám đốc

Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		3,012,039,855,771	2,278,741,518,627
2.1 Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11		19,105,402,650	3,809,219,397
2.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	11.2	VI.2	125,278,050,875	111,659,166,823
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.3	129,495,536,060	189,867,757,438
4. Thu nhập khác	13		1,047,238,001	1,132,461,915
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		2,524,227,469,119	1,838,420,189,133
6.1 Giá vốn bất động sản đầu tư	21		11,725,786,784	3,947,164,781
6.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	21.2		113,283,507,833	102,727,525,651
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	107,248,153,651	132,864,423,539
8.1 Chi phí bán hàng	23.1		1,865,522,189	1,135,484,106
8.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	VI.5	464,287,276,107	435,219,770,965
9. Chi phí khác	24		1,927,837,304	767,458,911
10.1 Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết, liên doanh	50.1		616,266,792	(1,616,360,916)
10.2 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50.2		63,016,797,162	68,511,746,198

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	11,089,880,395	12,618,959,021
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(105,388,039)	(165,002,628)
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>52,032,304,806</u>	<u>56,057,789,805</u>
13.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1		52,305,892	20,314,418
13.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	60.2		51,979,998,914	56,037,475,387
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>647</u>	<u>697</u>

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2019

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
(Dạng đầy đủ)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

PHẦN II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
			Quý III.2019	Quý III.2018	Năm nay / Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm	01	VI.1	1,314,989,342,174	953,225,612,521	3,412,320,439,267 / 2,654,425,155,084
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1,431,521,143,647	1,081,107,763,437	4,186,262,546,396 / 3,001,320,584,219
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		20,267,408,107	11,350,848,127	65,477,501,561 / 65,342,934,727
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		136,799,209,580	139,232,999,043	839,419,608,690 / 412,238,363,862
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02		498,723,916,358	364,136,437,697	1,088,069,355,133 / 829,861,311,382
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		544,351,998,880	379,985,162,942	1,654,833,336,226 / 961,480,857,170
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		45,628,082,522	15,848,725,245	566,763,981,093 / 131,619,545,788
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		816,265,425,816	589,089,174,824	2,324,251,084,134 / 1,824,563,843,702
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		329,523,278,333	176,299,610,146	687,788,771,637 / 454,177,674,925
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		123,680,060,045	104,669,828,754	277,240,736,669 / 215,531,191,220
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		205,843,218,288	71,629,781,392	410,548,034,968 / 238,646,483,705
5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10.1		1,145,788,704,149	765,388,784,970	3,012,039,855,771 / 2,278,741,518,627
5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2	VI.2	56,395,145,155	42,990,782,211	125,278,050,875 / 111,659,166,823
6. Chi bồi thường	11		573,001,580,190	425,045,062,986	1,486,956,602,225 / 1,213,605,707,634
- Tổng chi bồi thường	11.1		567,926,761,071	430,910,270,236	1,500,737,015,784 / 1,222,676,345,749
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		5,074,819,119	5,865,207,250	13,780,413,559 / 9,070,638,115
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		134,708,676,174	125,132,046,859	374,931,809,786 / 221,196,734,210

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
				Quý III.2019	Quý III.2018	Năm nay / Năm trước
8.	13		Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	38,005,119,578	(21,493,447,880)	(37,893,476,182)
9.	14		Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	76,377,808,414	6,551,605,213	61,039,658,349
10.	15		Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	389,770,576,942	271,867,963,034	893,475,838,893
11.	16		Tăng (giảm) dự phòng giao động lớn	9,074,365,529	7,124,725,439	21,051,826,618
12.	17		Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	632,640,517,306	352,309,364,830	923,892,523,622
	17.1		- Chi hoa hồng bảo hiểm	165,414,643,831	96,609,688,877	247,493,153,918
	17.2		- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	467,225,873,475	255,699,675,953	676,399,369,704
13.1	18.1		Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	1,031,485,459,777	631,302,053,303	1,838,420,189,133
13.2	18.2		Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	52,714,944,890	40,347,047,690	102,727,525,651
14.1	19.1		Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	114,303,244,372	134,086,731,667	440,321,329,494
14.2	19.2		Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	3,680,200,265	2,643,734,521	8,931,641,172
15.	20		Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	14,794,257,637	2,205,186,923	3,809,219,397
16.	21		Giá vốn bất động sản đầu tư	9,175,042,596	2,140,017,267	3,947,164,781
17.	22		Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=21-20)	5,619,215,041	65,169,656	(137,945,384)
18.	23	VI.3	Doanh thu hoạt động tài chính	18,867,938,783	38,515,583,901	189,867,757,438
19.	24	VI.4	Chi phí hoạt động tài chính	17,065,452,707	6,736,763,530	132,864,423,539
20.	25		Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	1,802,486,076	31,778,820,371	57,003,333,899
21.	26.1		Chi phí bán hàng	750,137,569	(43,590,620)	1,135,484,106
21.	26.2	VI.5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	91,581,087,488	138,259,382,951	435,219,770,965
22.	30		Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	33,073,920,697	30,358,663,884	69,763,104,110

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
				Quý III.2019	Quý III.2018	Năm nay Năm trước
23.			Thu nhập khác	642,056,380	404,294,254	1,047,238,001 1,132,461,915
24.			Chi phí khác	1,548,534,673	405,743,088	1,927,837,304 767,458,911
25.			Lợi nhuận khác (40=31-32)	(906,478,293)	(1,448,834)	(880,599,303) 365,003,004
25.			Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	(1,155,076,942)	(2,166,379,907)	616,266,792 (1,616,360,916)
26.			Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	31,012,365,462	28,190,835,143	63,016,797,162 68,511,746,198
27.		V.16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4,930,778,082	4,201,094,780	11,089,880,395 12,618,959,021
28.			Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(105,388,039)	-	(105,388,039) (165,002,628)
29.			Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	26,186,975,419	23,989,740,363	52,032,304,806 56,057,789,805
37.		60.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	35,266,536	13,298,850	52,305,892 20,314,418
38.		60.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	26,151,708,883	23,976,441,513	51,979,998,914 56,037,475,387
30.		V1.6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	647 697

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2019

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		63,016,797,162	68,511,746,198
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		17,293,963,202	16,112,263,636
- Các khoản dự phòng	03		280,301,123,047	273,919,389,238
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(99,419,535,696)	(104,801,421,379)
- Chi phí lãi vay	06		8,089,888,308	7,094,962,719
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		269,282,236,023	260,836,940,412
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(168,009,795,783)	(122,419,440,168)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		325,366,769	(145,027,419)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		343,348,187,720.00	199,921,381,515
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(112,682,235,176)	(71,040,096,375)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		30,736,675,243	(311,176,709,060)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8,089,888,308)	(7,094,962,719)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11,034,178,724)	(20,971,473,892)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		123,368,138	73,200,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		366,953,190	807,468,953
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		344,366,689,092	(71,208,718,753)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(86,405,207,328)	(21,492,179,540)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,040,407,401,470)	(1,067,483,152,121)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		561,509,497,530	983,720,161,595
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		147,486,585,565	89,736,480,595
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		53,267,815,116	83,500,290,309
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(364,548,710,587)	67,981,600,838

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		44,531,564,063	97,026,575,729
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,197,242,189)	(1,057,799,890)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(63,319,518,837)	(74,692,072,813)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19,985,196,963)	21,276,703,026
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(40,167,218,458)	18,049,585,111
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	124,625,653,602	108,166,401,355
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	84,458,435,144	126,215,986,466

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2019

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Bảo hiểm phi nhân thọ.

3. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty

Trong kỳ, Tổng Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Số 26 đường Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Bán xăng dầu	93,63%	93,63%	93,63%	93,63%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 26 phố Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cho thuê bất động sản và cung cấp thiết bị tin học, truyền thông	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18 Khu đô thị Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Môi giới nhà đất, mua bán bất động sản và dịch vụ khác	95,32%	95,32%	95,32%	49%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6c. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu theo cam kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	50,00%	50,00%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 Tổng Công ty có 2.254 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.057 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc và thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Toàn Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Cơ sở hạ tầng	50

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Chi phí trả trước

Chi phí phát triển đại lý

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ trong 2 năm, công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ trong 1 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ và chi phí hoa hồng chưa được phân bổ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 05 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Dự phòng phí chưa được hưởng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm được trích lập theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ quy định trên doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được giữ lại trên tài khoản chi phí hoa hồng chưa được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ dự phòng phí chưa được hưởng.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường cho năm tài chính hiện tại	Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp	Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại	Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại
=	-----	x	-----	x
	Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp	năm tài chính hiện tại	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước	Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính trước

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong kỳ kế toán. Mức trích lập trong năm là 1% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 07 năm 2016.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 30/09/2019 : 23.260 VND/USD
31/12/2018 : 23.245 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 05 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm hoặc có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chi tiêu “Người mua trả tiền trước” trên Bảng cân đối kế toán.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 05 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của BTC.

Hoạt động nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hiểm cố định nhưng chưa nhận được bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bằng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận tái bảo hiểm và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Chi phí hoạt động đầu tư

Chi phí hoạt động đầu tư bao gồm các chi phí tập hợp trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và chi phí dùng chung phân bổ.

Chi phí tập hợp trực tiếp bao gồm: chi phí lương bộ phận đầu tư, chi phí quản lý danh mục đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, lỗ kinh doanh chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản.

Chi phí dùng chung phân bổ cho bộ phận đầu tư theo tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính trên tổng doanh thu thực hiện trong kỳ.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính Tổng Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	9,121,273,998	10,621,956,926
Tiền gửi ngân hàng	72,938,757,146	85,894,938,676
Tiền đang chuyển	2,298,404,000	28,033,758,000
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	100,000,000	75,000,000
Cộng	84,458,435,144	124,625,653,602

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Chứng khoán kinh doanh	568,771,993,575	419,727,977,824	599,508,668,818	523,132,748,034
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	3,254,468,340,747	3,246,747,268,910	2,775,570,436,807	2,739,993,380,610
Tiền gửi có kỳ hạn	2,664,657,012,053	2,664,657,012,053	2,238,830,963,764	2,238,830,963,764
Ủy thác đầu tư ngắn hạn	2,609,822,712,053	2,609,822,712,053	2,131,996,663,764	2,131,996,663,764
Đầu tư trái phiếu	4,834,300,000	4,834,300,000	6,834,300,000	6,834,300,000
Dài hạn	50,000,000,000	50,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	589,811,328,694	582,090,256,857	536,739,473,043	501,162,416,846
Đầu tư trái phiếu	361,317,538,600	361,317,538,600	304,011,666,667	304,011,666,667
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	150,000,000,000	150,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000
Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần				
Bất động sản Bưu điện	39,913,442,872	39,536,371,035	57,913,442,872	54,856,762,324
Cho vay ủy thác Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	38,580,347,222	31,236,347,222	42,910,347,222	35,566,347,222
Cộng	-	-	31,904,016,282	6,727,640,633
	<u>3,823,240,334,322</u>	<u>3,666,475,246,734</u>	<u>3,375,079,105,625</u>	<u>3,263,126,128,644</u>

2b. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Cộng	Giá gốc	Dự phòng	Cộng
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện ⁽¹⁾	-	-	-	88,200,000,000	(467,061,841)	87,732,938,159
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ⁽²⁾	20,152,200,000	-	20,152,200,000	20,152,200,000	-	20,152,200,000
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử ⁽³⁾	14,292,700,000	-	14,292,700,000	14,292,700,000	-	14,292,700,000
Cộng	<u>34,444,900,000</u>	<u>-</u>	<u>34,444,900,000</u>	<u>122,644,900,000</u>	<u>-</u>	<u>122,177,838,159</u>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
(1)	87,732,938,160	0	-	(87,732,938,160)	-
(2)	25,134,026,927	558,997,802	-	-	25,693,024,729
(3)	14,841,589,092	1,170,542,602	-	(1,113,273,611)	14,898,858,083
Cộng	<u>127,708,554,179</u>	<u>1,729,540,404</u>	<u>-</u>	<u>(88,846,211,771)</u>	<u>40,591,882,811</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Ut Xi	15,000,000,000	8,880,000,000	15,000,000,000	8,880,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2,940,000,000	-	2,940,000,000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	17,080,000,000	-	17,080,000,000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5,800,000,000	-	5,800,000,000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65,000,000	-	65,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625,000,000	-	625,000,000	-
Công ty Cổ phần 36	53,879,498,488	31,108,060,288	64,280,812,685	39,166,200,333
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	-	49,968,600,000	-
Cộng	95,389,498,488	39,988,060,288	155,759,412,685	48,046,200,333

3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	359,726,733,684	286,910,937,615
Phải thu về tái bảo hiểm	219,726,450,009	253,221,702,804
Phải thu khách hàng khác	36,042,859,745	35,062,744,669
Cộng	615,496,043,438	575,195,385,088

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	86,286,258,563	127,204,172,652
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	711,817,472	1,586,567,036
Trả trước cho nhà cung cấp khác	26,041,057,601	5,777,413,687
Cộng	113,039,133,636	134,568,153,375

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	173,220,983,379	127,069,262,799
Phải thu lại tiền bồi thường đã chuyển cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do toà án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5,614,181,754	5,614,181,754
Tạm ứng hoa hồng đại lý	23,866,145,000	-
Tạm ứng kinh doanh	47,235,792,060	16,048,265,467
Ký quỹ	1,439,551,662	5,118,565,441
Các khoản phải thu khác	57,818,926,027	40,957,448,256
Cộng	309,195,579,882	194,807,723,717

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	60,832,254,221	65,500,721,578
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	3,336,774,904	1,136,796,738
Sử dụng dự phòng	(11,146,059,438)	
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2,973,321,241)	(5,805,264,095)
Số cuối năm	50,049,648,446	60,832,254,221

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6,647,357,407	6,021,200,519
Công cụ, dụng cụ	327,752,758	35,626,391
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	15,272,053
Hàng hóa	2,349,601,620	3,577,979,591
Cộng	9,324,711,785	9,650,078,554

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	353,126,386,582	233,777,609,509
Chi phí khác	567,362,992	194,831,235
Cộng	353,693,749,574	233,972,440,744

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong năm như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số dư đầu năm	233,777,609,509	176,030,723,016
Số phát sinh trong năm	464,906,813,062	458,131,155,280
Số đã phân bổ vào chi phí trong năm	(345,558,035,989)	(400,384,268,787)
Số dư cuối năm	353,126,386,582	233,777,609,509

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	5,197,669,748	7,202,519,109
Chi phí thuê nhà	3,295,809,569	4,208,801,190
Chi phí phát triển đại lý	502,030,437	632,444,803
Chi phí sửa chữa văn phòng	19,293,624,187	-
Các khoản chi phí khác	196,198,202	23,480,640,695
Cộng	28,485,332,143	35,524,405,797

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	5,201,090	161,883,886
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	81,597,482	10,181,583,845
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	1,414,808,765	1,117,265,885
Thuế khác	89,153,569	83,509,133
Cộng	1,590,760,906	11,544,242,749

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	51,502,368,727	170,730,000	107,640,728,560	29,071,911,016	188,385,738,303
Mua sắm mới trong năm	1,473,590,974	97,449,091	6,230,025,000	5,671,350,908	13,472,415,973
XDCB hoàn thành trong năm	-	13,045,471,713	-	-	13,045,471,713
Tăng do hợp nhất	-	-	925,993,455	-	925,993,455
Giảm trong năm	-	-	(849,654,545)	(411,501,289)	(1,261,155,834)
Số cuối kỳ	52,975,959,701	13,313,650,804	113,947,092,470	34,331,760,635	214,568,463,610
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	23,678,154,063	91,462,580	57,067,709,475	20,045,007,284	100,882,333,402
Khấu hao trong năm	433,422,173	3,623,139,592	6,472,019,842	2,994,347,971	13,522,929,578
Tăng do hợp nhất	-	-	925,993,455	-	925,993,455
Giảm trong năm	-	-	(714,653,885)	(452,410,380)	(1,167,064,265)
Số cuối kỳ	24,111,576,236	3,714,602,172	63,751,068,887	22,586,944,875	114,164,192,171
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	27,824,214,664	79,267,420	50,573,019,085	9,026,903,732	87,503,404,901
Số cuối kỳ	28,864,383,465	9,599,048,632	50,196,023,583	11,744,815,760	100,404,271,439

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5,096,806,800	11,544,785,686	16,641,592,486
Tăng trong năm	-	416,000,000	416,000,000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	5,096,806,800	11,960,785,686	17,057,592,486
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	8,069,057,374	8,069,057,374
Khấu hao trong năm	-	1,633,811,868	1,633,811,868
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	-	9,702,869,242	9,702,869,242
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5,096,806,800	3,475,728,312	8,572,535,112
Số cuối kỳ	5,096,806,800	2,257,916,444	7,354,723,244

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6,994,763,527	115,647,365,175	122,642,128,702
Tăng do XDCB hoàn thành	-	38,403,185,086	38,403,185,086
Kết chuyển sang hàng hóa BĐS	-	(8,341,160,965)	(8,341,160,965)
Số cuối kỳ	6,994,763,527	145,709,389,296	152,704,152,823
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	8,147,725,173	8,147,725,173
Khấu hao trong năm	-	2,813,276,872	2,813,276,872
Kết chuyển sang hàng hóa BĐS	-	(434,984,307)	(434,984,307)
Số cuối kỳ	-	10,526,017,738	10,526,017,738
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6,994,763,527	107,499,640,002	114,494,403,529
Số cuối kỳ	6,994,763,527	135,183,371,558	142,178,135,085

13. Chi phí xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng tài sản trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm TSCĐ</i>	8,321,600,000	10,062,867,241	-	-	18,384,467,241
<i>XDCB dở dang</i>	27,322,110,480	22,006,251,701	12,043,766,260	264,378,464	37,020,217,457
Công trình In-Building	27,322,110,480	12,209,025,582	12,043,766,260	264,378,464	27,222,991,338
Công trình khác		9,797,226,119			9,797,226,119
Chi phí khác	5,722,000	186,257,563	-	-	191,979,563
Cộng	35,649,432,480	32,255,376,505	12,043,766,260	264,378,464	55,596,664,261

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	175,020,976,620	129,967,457,348
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	480,998,998,557	355,579,546,491
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	7,772,753,373	9,808,365,974
Phải trả cho nhà cung cấp khác	33,935,893,424	33,486,259,209
Cộng	697,728,621,974	528,841,629,022

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả trước về hoạt động bảo hiểm gốc	12,871,340,718	10,264,056,614
Người mua trả tiền trước khác	209,111,191	225,138,326
Cộng	13,080,451,909	10,489,194,940

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	21,112,419,819	19,242,670,819
Thuế thu nhập doanh nghiệp	892,032,843	836,331,172
Thuế thu nhập cá nhân	5,952,572,631	9,030,578,448
Thuế khác	372,991,985	293,641,409
Cộng	28,330,017,278	29,403,221,848

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	63,016,797,162	68,511,746,198
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	(9,467,332,779)	(5,416,951,090)
- Các khoản điều chỉnh giảm	(9,467,332,779)	(8,382,783,395)
Thu nhập chịu thuế	53,549,464,383	63,094,795,108
Thu nhập tính thuế	53,549,464,383	63,094,795,108
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	10,709,892,877	12,618,959,022
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	379,987,519	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11,089,880,395	12,618,959,021

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1,461,052,028	672,133,724
Kinh phí công đoàn	4,752,314,550	3,150,859,950
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11,683,282,356	10,686,233,993
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	855,136,400	16,471,009,447
Thuế nhà thầu tạm giữ	2,912,660,688	2,502,323,894
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	17,310,549,697	-
Thu phí của VNPost chưa đối chiếu	25,175,215,467	14,531,744,438
Các khoản khác	57,509,007,359	61,707,649,053
Cộng	121,659,218,545	109,721,954,499

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Dự phòng nghiệp vụ

	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) – (2)	(4)	(5)	(6) = (4) – (5)
18a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng						
1. Dự phòng bồi thường						
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	896,584,055,727	391,389,100,764	505,194,954,963	896,915,750,913	347,425,959,496	549,489,791,417
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	845,860,949,062	382,780,830,269	463,080,118,793	866,192,644,248	338,817,689,001	527,374,955,247
	50,723,106,665	8,608,270,495	42,114,836,170	30,723,106,665	8,608,270,495	22,114,836,170
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	2,984,011,714,299	1,299,241,600,921	1,684,770,113,378	2,144,592,205,609	732,477,619,828	1,412,114,585,781
Cộng	3,880,595,770,026	1,690,630,701,685	2,189,965,068,341	3,041,507,956,522	1,079,903,579,324	1,961,604,377,198
Trong đó chi tiết:						
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	896,915,750,913	347,425,959,496	549,489,791,417	797,519,969,351	295,133,085,860	502,386,883,491
Số trích lập trong kỳ	(331,695,186)	43,963,141,268	(44,294,836,454)	99,395,781,562	52,292,873,636	47,102,907,926
Số dư cuối kỳ	896,584,055,727	391,389,100,764	505,194,954,963	896,915,750,913	347,425,959,496	549,489,791,417
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	2,144,592,205,609	732,477,619,828	1,412,114,585,781	1,647,879,368,341	525,983,018,605	1,121,896,349,736
Số trích lập trong kỳ	839,419,508,690	566,763,981,093	272,655,527,597	496,712,837,268	206,494,601,223	290,218,236,045
Số dư cuối kỳ	2,984,011,714,299	1,299,241,600,921	1,684,770,113,378	2,144,592,205,609	732,477,619,828	1,412,114,585,781

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Dự phòng giao động lớn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	98,160,886,772	69,448,040,587
Số trích lập thêm trong kỳ	25,969,067,117	28,712,846,185
Số sử dụng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	124,129,953,889	98,160,886,772

19. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bất buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	21,059,046,903	48,967,380,576	198,191,072,708	1,031,947,228	1,901,149,590,219
Cổ đông góp vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	16,971,538,117	(4,400,362)	16,967,137,755
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	1,585,327,359	917,382,977	(2,766,050,336)	(2,660,000)	(266,000,000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(96,474,850,800)	(38,883,330)	(96,513,734,130)
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(1,485,327,359)	-	(1,485,327,359)
Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	(1,485,327,359)	-	(1,485,327,359)
Trích quỹ khen thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(2,227,991,043)	-	(2,227,991,043)
Giảm khác	-	-	-	-	(137,228,331)	(21,798,017)	(159,026,348)
Số dư cuối năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	22,644,374,262	49,884,763,553	110,585,835,597	964,205,519	1,815,979,321,735
Số dư đầu năm nay	803,957,090,000	827,943,052,804	22,644,374,262	49,884,763,553	110,585,835,597	964,205,519	1,815,979,321,735
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	51,979,998,914	52,305,892	52,032,304,806
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	183,476,595	-	(183,476,595)	-	-
Chia cổ tức kỳ nay	-	-	-	-	(64,316,567,200)	(22,000,000)	(64,338,567,200)
Thù lao và thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	(917,382,977)	-	(917,382,977)
Lợi ích sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (trích các quỹ của Công ty con)	-	-	-	-	(795,658,537)	4,266,710,613	3,471,052,076
Số dư cuối kỳ này	803,957,090,000	827,943,052,804	22,827,850,857	49,884,763,553	96,352,749,202	5,261,222,024	1,806,226,728,440

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Cổ phiếu</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.400.000	80.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80.395.709	80.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80.395.709	80.395.709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bảo hiểm gốc	4,232,547,425,800	3,039,264,420,493
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(46,284,879,404)	(37,943,836,274)
Phí nhận tái bảo hiểm	76,092,078,073	70,640,653,815
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(10,614,576,512)	(5,297,719,088)
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(839,419,608,690)	(412,238,363,862)
Doanh thu thuần	3,412,320,439,267	2,654,425,155,084

2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	107,541,681,968	97,511,584,779
Doanh thu cung cấp thiết bị viễn thông và công trình inbuilding	17,736,368,907	14,147,582,044
Cộng	125,278,050,875	111,659,166,823

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	90,239,524,245	100,081,665,536
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	309,320,204	137,684,061
Lãi kinh doanh chứng khoán	27,559,964,218	76,179,007,663
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9,218,056,464	8,382,783,395
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,564,652,677	2,319,755,843
Lãi đầu tư dài hạn	56,046,557	2,432,602,125
Các khoản khác	547,971,696	334,258,816
Cộng	129,495,536,060	189,867,757,438

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8,089,888,308	7,094,962,719
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3,663,079,842	3,444,755,119
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	72,394,759,265	74,244,433,646
Lỗ kinh doanh chứng khoán	22,091,521,529	28,911,920,543
Chi phí tài chính khác	1,008,904,707	19,168,351,512
Cộng	107,248,153,651	132,864,423,539

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	261,186,370,459	229,993,274,915
Chi phí nguyên liệu vật liệu	13,971,288,327	15,556,966,115
Chi phí dụng cụ quản lý	7,244,953,570	6,977,143,496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10,114,157,173	10,217,256,369
Thuế phí và lệ phí	13,053,570,148	14,741,552,089
Chi phí dự phòng	(266,777,474)	(3,062,554,569)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60,753,397,878	56,440,463,170
Chi phí khác bằng tiền	98,230,316,026	104,355,669,379
Cộng	464,287,276,107	435,219,770,965

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51,979,998,914	56,037,475,387
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	51,979,998,914	56,037,475,387
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	80,395,709	80,395,709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	647	697

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Hồng Tiến

Cao Thu Hiền



Bùi Xuân Thu